

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm;

Căn cứ Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BTTTT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về việc lập và quản lý chi phí đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 3909/TTr-STC ngày 09 tháng 12 năm 2015; Công văn số 621/STP-XD&KTrVB ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Sở Tư pháp,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; các ban quản lý dự án; các chủ đầu tư và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, KTN, TH, NC.  
(Dunglq/QĐ.03.01/90b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Nhữ Văn Tâm**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 04 /2016/QĐ-UBND ngày 18 /01/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên)*

**Chương I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi áp dụng**

Quy định này quy định việc quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản PABMIS và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm: Cập nhật dữ liệu vào hệ thống phần mềm PABMIS, lập, gửi các báo cáo theo quy định.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Áp dụng cho các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các ban quản lý dự án và các chủ đầu tư.

**Chương II  
QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 3. Các loại vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước được tổng hợp báo cáo**

**1. Vốn trong dự toán ngân sách nhà nước**

a) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo kế hoạch nhà nước giao hằng năm.

b) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc kế hoạch năm trước được cơ quan có thẩm quyền quyết định bằng văn bản chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán.

2. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác của ngân sách nhà nước được phép sử dụng để đầu tư theo quyết định của cấp có thẩm quyền

#### **Điều 4. Báo cáo thực hiện ứng dụng phần mềm PABMIS**

Các đơn vị đã được trang bị, cài đặt phần mềm PABMIS yêu cầu nhập đầy đủ, kịp thời thông tin các dự án, công trình đơn vị đang quản lý (công trình đang thực hiện dở dang và công trình khởi công mới) từ khi được phê duyệt đến khi kết thúc. Tổng hợp báo cáo, đồng bộ dữ liệu trong phần mềm PABMIS theo hướng dẫn.

**Điều 5. Báo cáo theo Thông tư số 210/2010/TT-BTC và Công văn số 6549/BTC-ĐT hướng dẫn thực hiện quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hằng năm (có biểu mẫu kèm theo)**

1. Chủ đầu tư lập các biểu số 01/CĐT, 02/CĐT, 03/CĐT, 04/CĐT.

2. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tổng hợp số liệu theo biểu số 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH, 04/CQTH.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch giúp UBND các huyện, thành phố, thị xã nhập số liệu thực hiện kế hoạch, quyết toán của các dự án vào hệ thống PABMIS, tổng hợp lập báo cáo theo các biểu số 01/CQTH, 02/CQTH, 03/CQTH, 04/CQTH. Trong biểu yêu cầu chi tiết từng dự án, từng nguồn vốn do tỉnh quản lý và nguồn vốn cấp huyện, xã quản lý. Đối với nguồn vốn thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã, phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm lập, thẩm định, thông báo kết quả gửi các chủ đầu tư và Kho bạc Nhà nước huyện, thành phố, thị xã trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo.

3. Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 15/02 năm sau.

**Điều 6. Để phục vụ công tác chỉ đạo điều hành ngân sách và tổng hợp số liệu chung toàn tỉnh thông tin các dự án đầu tư tại các Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011, Thông tư số 99/2013/TT-BTC ngày 26/7/2013 và các chỉ thị, công văn theo yêu cầu của Bộ Tài chính và UBND tỉnh, đề nghị các đơn vị thực hiện các báo cáo như sau (có biểu mẫu kèm theo)**

1. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn

Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã tổng hợp số liệu, lập và gửi báo cáo của từng biểu mẫu theo thời gian như sau:

a) Biểu số 01/TC, 02/TC: Gửi sau 20 ngày kể từ ngày UBND cấp có thẩm quyền giao kế hoạch vốn cho địa phương; riêng biểu số 01/TC phân dự án cấp huyện và cấp xã quản lý đề nghị chi tiết từng dự án.

b) Biểu số 03/TC: Trước ngày 20/5 của năm kế hoạch (báo cáo 6 tháng), trước ngày 20/11 của năm kế hoạch (báo cáo năm).

c) Biểu số 04/TC và 05/TC: Trước ngày 15/02 năm sau.

## 2. Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo mẫu biểu số 11/QTDA; biểu số 01/QTV, 02/QTV, 03/QTV.

b) Các chủ đầu tư, ban quản lý dự án lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành theo mẫu biểu số 12/QTDA; biểu số 01/QTV, 02/QTV, 03/QTV.

Trường hợp dự án gồm nhiều công trình, đề nghị báo cáo số liệu tổng hợp của dự án và số liệu chi tiết của các công trình thuộc dự án đó.

c) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05/7 của năm kế hoạch (báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/01 năm sau (báo cáo năm).

## 3. Báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

a) Mẫu biểu báo cáo tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản áp dụng chung đối với phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thành phố, thị xã; các chủ đầu tư và các ban quản lý dự án.

b) Thời hạn gửi báo cáo: Trước ngày 05/7 của năm (báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/02 năm sau (báo cáo năm).

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 7. Trách nhiệm của các ngành, các cấp, đơn vị liên quan**

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, đoàn thể; các ban quản lý dự án và các chủ đầu tư

a) Chịu trách nhiệm về số liệu được đưa vào báo cáo; tổng hợp lập báo cáo theo hướng dẫn và gửi cơ quan quản lý tài chính đúng thời hạn quy định.

b) Thực hiện tổng hợp số liệu định kỳ, đột xuất (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan cấp trên và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin dự án vào hệ thống phần mềm PABMIS đồng thời tổng hợp lập báo cáo theo phân cấp đã cài đặt trong hệ thống.

## 2. Trách nhiệm của cơ quan quản lý tài chính các cấp

a) Căn cứ vào báo cáo do chủ đầu tư lập, cơ quan quản lý tài chính thực hiện tổng hợp báo cáo gửi cơ quan cấp trên theo quy định, riêng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm tổng hợp số liệu của ban quản lý các dự án đầu tư và xây dựng, nhập toàn bộ dữ liệu các dự án của các đơn vị khác trên địa bàn huyện quản lý bao gồm cả các dự án của các xã, phường, thị trấn.

b) Thực hiện thẩm định, thông báo kết quả thẩm định và tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước các cấp theo đúng quy định.

c) Thực hiện tổng hợp số liệu định kỳ, đột xuất (nếu có) theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

d) Đồng bộ số liệu của đơn vị cấp dưới, các chủ đầu tư và cập nhật kịp thời số liệu các dự án vào phần mềm hệ thống quản lý dự án đầu tư.

đ) Trường hợp không nhận được đầy đủ các báo cáo theo thời hạn quy định, trong hệ thống phần mềm PABMIS số liệu không đầy đủ, kịp thời; cơ quan quản lý tài chính có quyền tạm dừng việc cấp dự toán được phân bổ theo kế hoạch hoặc yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ việc thanh toán vốn đầu tư cho tới khi nhận được đầy đủ báo cáo.

## 3. Trách nhiệm của UBND các cấp

a) Đôn đốc, chỉ đạo cơ quan quản lý tài chính cùng cấp, các chủ đầu tư, các cơ quan chuyên môn thực hiện đúng quy định quản lý vận hành phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin quản lý ngân sách dự án đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện chế độ báo cáo vốn đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

b) Yêu cầu cơ quan quản lý tài chính tạm dừng cấp dự toán theo kế hoạch cho tới khi các đơn vị tổng hợp được đầy đủ báo cáo theo yêu cầu.

## **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

1. Căn cứ Quy định này UBND các huyện, thành phố, thị xã; các chủ đầu tư; các ban quản lý dự án và các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh triển khai thực hiện.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã có trách nhiệm đôn đốc kiểm tra các chủ đầu tư, các ban quản lý dự án và đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị có văn bản gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, nghiên cứu báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. / *nghe*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Nhữ Văn Tâm**



**KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
NĂM .....**

**I. Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao:... triệu đồng, trong đó:**

**1. Nguồn vốn đầu tư trong cân đối..... triệu đồng,**

Trong đó, vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất..... triệu đồng.

**2. Nguồn vốn nước ngoài (ODA):.....triệu đồng.**

**3. Nguồn vốn chương trình MTQG, vốn NSTW bổ sung có mục tiêu cho NSDP :.....triệu đồng.**

Trong đó:

- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu Quốc gia: ..... triệu đồng.

- Nguồn vốn NSTW bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm: ..... triệu đồng.

- Nguồn vốn bổ sung từ NSTW cho NSDP ngoài kế hoạch đầu năm( nếu có): .....triệu đồng.

- Vốn bố trí kế hoạch để thu hồi vốn ứng trước (nếu có):.....triệu đồng.

**II. Kế hoạch vốn do UBND tỉnh, thành phố, huyện giao.....triệu đồng, chi tiết như sau:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	
							Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1		Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương, vốn ngoài nước ODA						
		Tổng số (1.1+1.2+1.3):						
		Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		Số vốn:						
		Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:						
		Nguồn vốn ngoài nước (ODA):						
1.1		Dự án cấp tỉnh quản lý:						
1.2		Dự án cấp huyện quản lý:						
		- Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA):						
1.3		Dự án cấp xã quản lý:						
		- Số dự án:						
		Trong đó dự án ODA:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương:						
		+ Nguồn vốn ngoài nước (ODA):						

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án (Quan trọng quốc gia, A, B, C)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...	
							Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước (nếu có)
2		<b>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương:</b>						
		- Số dự án:						
		- Số vốn:						
		+ Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia						
		+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
		+ Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
2.1		Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia						
		Chương trình...						
		Dự án...						
2.2		Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
		- Số dự án:						
		- Số vốn:						
		Chương trình...						
		Dự án...						
2.3		Nguồn vốn bổ sung từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương ngoài kế hoạch đầu năm (nếu có)						
		Chương trình...						
		Dự án...						
3		<b>Nguồn vốn khác ngoài điểm 1,2 (nếu có)</b>						
		- Nguồn vốn xổ số kiến thiết						
		- Nguồn vốn...						
		.....						

Thái Nguyên, ngày.....tháng ..... năm .....

NGƯỜI LẬP BIỂU

TRƯỞNG PHÒNG TC-KH

**KẾ HOẠCH VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ NĂM 20...**

**I. Kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ Thủ tướng Chính phủ giao: ... triệu đồng, trong đó:**

1. Các dự án Giao thông: ..... triệu đồng, bố trí cho dự án
2. Các dự án Thủy lợi: ..... triệu đồng, bố trí cho dự án
3. Các dự án Y tế: ..... triệu đồng, bố trí cho dự án
4. Các dự án Ký túc xá sinh viên: ..... triệu đồng, bố trí cho dự án
5. Các dự án Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên: ..... triệu đồng.

**II. Kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ địa phương phân bổ: ..... triệu đồng, chi tiết như sau:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Mã dự án	Nội dung	Dự án Quan trọng quốc gia, A,B,C)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư		Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch	Kế hoạch vốn TPCP năm ...	
					Tổng số	Trong đó: Vốn trái phiếu Chính phủ		Tổng số	Trong đó, thu hồi vốn ứng trước (nếu có)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
		<b>Tổng số (1+2+3+4+5):</b> - Số dự án: - Số vốn:							
1		<b>Giao thông</b> - Số dự án: - Số vốn:							
		Dự án...							
2		<b>Thủy lợi</b> - Số dự án: - Số vốn:							
		Dự án...							
3		<b>Y tế</b> - Số dự án: - Số vốn:							
		Dự án...							
4		<b>Ký túc xá sinh viên</b> - Số dự án: - Số vốn:							
		Dự án...							
5		<b>Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên</b> - Số dự án: - Số vốn:							

*Thái Nguyên, ngày...tháng....năm ....*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG PHÒNG TC-KH**



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN  
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ**

(6 tháng, cả năm)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư địa phương giao			Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến tháng .....	Ước số vốn đã thanh toán từ đầu năm đến tháng .....	Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó				
			Kế hoạch giao đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8=(7/3)
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước</b>						
1	<b>Nguồn vốn cân đối ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước (ODA):</b>						
1.1	- Nguồn vốn trong cân đối ngân sách địa phương						
1.2	- Nguồn vốn ngoài nước (ODA)						
2	<b>Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách</b>						
2.1	Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia						
2.2	Nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu thuộc kế hoạch đầu năm						
2.3	Vốn ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách địa phương ngoài kế hoạch đầu năm						
3	<b>Nguồn vốn khác (nếu có)</b>						
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ</b>						
1	Vốn trái phiếu Chính phủ đối ứng ODA						
2	Dự án y tế tỉnh, huyện						
3	Xây dựng nông thôn mới						
<b>III</b>	<b>Vốn kéo dài năm trước chuyển sang (nếu có), trong đó:</b>						
1	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước						
2	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ						

STT	Nội dung	Kế hoạch vốn đầu tư địa phương giao			Vốn đầu tư đã thanh toán từ đầu năm đến tháng .....	Ước số vốn đã thanh toán từ đầu năm đến tháng .....	Tỷ lệ (%)
		Tổng số	Trong đó				
			Kế hoạch giao đầu năm	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung trong năm (nếu có)			
3	Nguồn vốn khác (nếu có)						
<b>IV</b>	<b>Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (nếu có), trong đó:</b>						
1	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước						
2	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ						

Thái Nguyên, ngày.....tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG PHÒNG TC-KH**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG NĂM ...**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Số dự án	Lũy kế thanh toán từ khởi công đến năm báo cáo		Năng lực thiết kế hoàn thành lũy kế đến năm báo cáo
			Tổng số	Trong đó thanh toán trong năm ....	
1	2	3	4	5	6
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ NSNN:</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A</b>				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B, C</b>				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn trái phiếu Chính Phủ:</b>				
<b>1</b>	<b>Dự án quan trọng quốc gia, nhóm A</b>				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2</b>	<b>Dự án nhóm B, C</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2.1</b>	<b>Giao thông.</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2.2</b>	<b>Thuỷ lợi.</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2.3</b>	<b>Y tế.</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2.4</b>	<b>Ký túc xá sinh viên.</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				

STT	Nội dung	Số dự án	Lũy kế thanh toán từ khởi công đến năm báo cáo		Năng lực thiết kế hoàn thành lũy kế đến năm báo cáo
			Tổng số	Trong đó thanh toán trong năm ....	
	Dự án...				
	Dự án...				
<b>2.5</b>	<b>Nông thôn mới</b>				
	- Số dự án:				
	- Số vốn:				
	Dự án...				
	Dự án...				

Thái Nguyên, ngày.....tháng ..... năm .....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG PHÒNG TC-KH**

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN  
TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ  
CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH ĐẾN NĂM...**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự án (quan trọng quốc gia, A,B,C)	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng mức đầu tư	Giá trị quyết toán		Vốn đã thanh toán đến năm báo cáo			Vốn đầu tư còn nợ	
					Đã có quyết định phê duyet	Chưa có quyết định phê duyet	Tổng số	Nguồn vốn NSNN	Nguồn vốn khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
I	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ ngân sách nhà nước:										
1	Dự án hoàn thành các năm trước năm báo cáo										
	Tổng số										
	Dự án...										
	Dự án...										
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo										
	Tổng số										
	Dự án...										
	Dự án...										
II	Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ										
1	Dự án hoàn thành các năm trước năm báo cáo										
	Tổng số										
	Dự án...										
	Dự án...										
2	Dự án hoàn thành trong năm báo cáo										
	Tổng số										
	Dự án...										
	Dự án...										

*Thái Nguyên, ngày...tháng....năm 20...*

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**TRƯỞNG PHÒNG TC-KH**



Đơn vị tổng hợp báo cáo:  
Số:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**  
6 tháng, cả năm....

1/ Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
<b>B</b>	<b>Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới</b>					
1	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
2	...					
	Nhóm A					
	Nhóm B					
	Nhóm C					
...						

2/ Dự án đã nộp báo cáo, chậm phê duyệt quyết toán trên 6 tháng:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Loại dự án	Chậm từ 7 đến 24 tháng			Chậm trên 24 tháng			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
<b>B</b>	<b>Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới</b>							

1	....							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
2	...							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
...								

**3/ Dự án hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán trên 6 tháng:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Loại dự án	Chậm từ 7 đến 24 tháng			Chậm trên 24 tháng			Ghi chú
		Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng vốn đã thanh toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
<b>A</b>	<b>Tổng cộng</b>							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
<b>B</b>	<b>Chi tiết theo các đơn vị cấp dưới</b>							
1	....							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
2	...							
	Nhóm A							
	Nhóm B							
	Nhóm C							
...								

**4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:**

.....

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Ngày... tháng... năm....*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Chủ đầu tư:  
Số:

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH**  
6 tháng, cả năm...

1/ Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6	7
	<b>Tổng cộng</b>					
I	Nhóm A					
1						
2						
...						
II	Nhóm B					
1						
2						
...						
III	Nhóm C					
1						
2						
...						

2/ Dự án đã nộp báo cáo, chậm phê duyệt quyết toán trên 6 tháng:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Ngày tháng năm bàn giao	Ngày tháng năm nộp hồ sơ quyết toán	Số tháng chậm so với quy định	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Nguyên nhân chậm
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	<b>Tổng cộng</b>							
I	Nhóm A							
1								
2								
...								
II	Nhóm B							
1								

2								
...								
III	Nhóm C							
1								
2								
...								

**3/ Dự án hoàn thành chậm nộp báo cáo quyết toán trên 6 tháng:**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Số dự án	Ngày tháng năm bàn giao đưa vào sử dụng	Số tháng chậm so với quy định	Tổng mức đầu tư	Vốn đầu tư đã thanh toán	Nguyên nhân
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng cộng</b>						
I	Nhóm A						
1							
2							
...							
II	Nhóm B						
1							
2							
...							
III	Nhóm C						
1							
2							
...							

**4/ Kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:**

.....

*Ngày... tháng... năm....*

**Người lập biểu**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**DỰ ÁN ĐỦ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN ĐÃ GỬI  
CƠ QUAN TÀI CHÍNH CHƯA ĐƯỢC PHÊ DUYỆT**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Dự toán được duyệt	Thời gian khởi công hoàn thành	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán (hoặc giá trị hợp đồng)	Lũy kế vốn đã thanh toán đến...		Nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đến.....	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó vốn thanh toán năm...		
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn Dự án, Chương trình mục tiêu</b>									
<b>1</b>	<b>Dự án trồng mới 5tr ha rừng</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>3</b>	<b>Chương trình mục tiêu khác...</b>									
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ</b>									
<b>1</b>	<b>Ngành giao thông</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Ngành thủy lợi</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
...										
<b>IV</b>	<b>Nguồn khác</b>									
<b>1</b>	<b>Nguồn...</b>									
	Dự án...									
...										

Thái Nguyên, ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA GỬI PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Dự toán được duyệt	Thời gian khởi công hoàn thành	Giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán (hoặc giá trị hợp đồng)	Lũy kế vốn đã thanh toán đến...		Nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đến.....	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó vốn thanh toán năm...		
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn Dự án, Chương trình mục tiêu</b>									
<b>1</b>	<b>Dự án trồng mới 5tr ha rừng</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>3</b>	<b>Chương trình mục tiêu khác...</b>									
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ</b>									
<b>1</b>	<b>Ngành giao thông</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Ngành thủy lợi</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
...										
<b>IV</b>	<b>Nguồn khác</b>									
<b>1</b>	<b>Nguồn...</b>									
	Dự án...									
...										

Thái Nguyên, ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Đơn vị báo cáo: ...

Biểu mẫu số 03/QTV

(Ban hành kèm theo Quyết định số:  
04/2016/QĐ-UBND ngày 18/01/2016)

**DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHƯA LẬP QUYẾT TOÁN A-B**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Dự toán được duyệt	Thời gian khởi công hoàn thành	Giá trị hợp đồng	Lũy kế vốn đã thanh toán đến...		Nợ vốn đầu tư xây dựng cơ bản đến.....	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó vốn thanh toán năm...		
<b>I</b>	<b>Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn Dự án, Chương trình mục tiêu</b>									
<b>1</b>	<b>Dự án trồng mới 5tr ha rừng</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>3</b>	<b>Chương trình mục tiêu khác...</b>									
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ</b>									
<b>1</b>	<b>Ngành giao thông</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
<b>2</b>	<b>Ngành thủy lợi</b>									
	Dự án...									
	Dự án...									
...										
<b>IV</b>	<b>Nguồn khác</b>									
<b>1</b>	<b>Nguồn...</b>									
	Dự án...									
...										

Thái Nguyên, ngày...tháng...năm...

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



UBND HUYỆN, TỈNH..... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Sở, Phòng Tài chính.... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /20../TB- ..... ngày tháng năm 20

## THÔNG BÁO

**Thẩm định quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản  
thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách  
năm 20...**

Căn cứ Thông tư số /2009/TT-BTC ngày tháng năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm.

Sau khi tiến hành thẩm định báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách năm 20... của .....; Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch có ý kiến như sau:

1. Nhận xét chung về công tác quyết toán năm, về việc chấp hành thời gian gửi báo cáo và các nội dung, biểu mẫu báo cáo.

2. Về nội dung:

- Xác định sự phù hợp về tổng nguồn vốn, cơ cấu vốn trong báo cáo quyết toán của các sở, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước.

- Xác định, so sánh danh mục dự án giữa báo cáo quyết toán của các sở, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

- Xác định, so sánh kế hoạch vốn và số vốn thanh toán của từng dự án giữa báo cáo quyết toán của các sở, ngành, địa phương và Kho bạc Nhà nước cùng cấp. Xác định số vốn được chuyển sang năm sau tiếp tục thực hiện và thanh toán; số kế hoạch vốn huỷ bỏ.

- Xác định số vốn quyết toán năm.

- Các nhận xét khác.

*(Chi tiết theo biểu số liệu đính kèm)*

3. Kiến nghị:

4. Cơ quan cấp trên chủ đầu tư chịu trách nhiệm đối chiếu, xử lý các số liệu chênh lệch của từng dự án (nếu có); số liệu thanh toán, phải khớp đúng với số liệu của Kho bạc Nhà nước.

**Thủ trưởng cơ quan Tài chính**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



Quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn ngân sách nhà nước  
Năm độ ngân sách năm 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước		Thanh toán KLLHT của phần vốn tạm ứng chưa thu	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...						Thanh toán vốn thực KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...						Tổng cộng vốn đã thanh toán 20...		Tổng số vốn quyết toán năm theo chế độ chưa thu hồi	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (*)	Lũy kế vốn đã thực hiện của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng
							Tr. độ: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán (*)	Thanh toán KLLHT của phần vốn tạm ứng chưa thu		Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Thanh toán KLLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán KLLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Tổng số	Tr. độ: vốn cấp bằng lệnh chi tiền					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9a	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=1+12+16+17	21	22=1+16+9a	23=9a-9a+12+17	24		
	<b>Tổng số</b>																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
I	<b>Ngành vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>																									
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																									
	Dự án...																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
2	Vốn thực hiện dự án																									
2.1	Ngành...																									
	Nhóm A																									
	Dự án...																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
	Nhóm B																									
	Dự án...																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									
2.2	Ngành...																									
	Nhóm...																									
II	<b>Ngành vốn Dự án, Chương trình mục tiêu</b>																									
I	Dự án tổng mức 5 tỉ ha trở																									
	Dự án...																									
	Vốn trong nước																									
	Vốn ngoài nước																									

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước		Thanh toán KLLHT của phần vốn tạm ứng chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm trước vào năm quyết toán (*)	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...				Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng cộng vốn đã thanh toán 20...		Tổng số vốn quyết toán niên độ năm 20... (*)	Lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (*)	Lũy kế vốn đã thực hiện của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng		
							Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán (*)	Tổng số		Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Thanh toán KLLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn được kéo dài	Thanh toán KLLHT	Thanh toán theo chế độ chưa thu hồi	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)				Tổng số	Tr.đó: vốn cấp bằng lệnh chi tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9%	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=11+12+16+17	21	22=11+16+%	23=9-9%+12+17	24
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																							
3	Chương trình mục tiêu khác...																							
<b>III Nguồn khác</b>																								
1	Nguồn...																							
	Dự án...																							

Chú chú:

- Đối với Dự án trong mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ 1/1 năm kế hoạch đến hết 31/1 năm sau.

- Số vốn thanh toán từ 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.

- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.

- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.

- (\*) Cột số 9 - thể hiện lũy kế số dự tạm ứng chưa quyết toán năm.

- (\*) Cột 22 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLLHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm trước chuyển năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang. Cột 22=cột 11+ cột 16+ cột 9a.

- (\*) Cột 23 - lũy kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20... Cột 23=cột 12+cột 17+(cột 9- cột 9a).

Người lập biểu

(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...

Thủ trưởng cơ quan (Ký và đóng dấu)

**Báo cáo thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)**  
Niên độ ngân sách năm 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	KH vốn ứng trước năm 20...				Thanh toán vốn ứng trước							
						Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm						
							KH vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	KH vốn ứng trước năm 20...	KH vốn thu hồi năm 20...		Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...		Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14		15	16	
<b>I Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>																	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư																
	Dự án...																
	Ngành ...																
	Nhóm ...																
	Dự án...																
<b>II Dự án, chương trình mục tiêu</b>																	
1	Dự án Trồng mới 5 tr ha rừng																
	Dự án...																
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																
	Dự án...																
3	Chương trình mục tiêu khác																
<b>III Nguồn khác</b>																	
1	Nguồn...																
	Dự án ...																
	Dự án...																
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																
	Dự án...																

Người lập biểu  
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...  
Thủ trưởng cơ quan (Ký và đóng dấu)

**Báo cáo thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn trái phiếu Chính phủ**  
Niên độ ngân sách năm 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lấy kế vốn thanh toán từ k/công đến hết năm trước	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...			Thanh toán vốn thuộc KH năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng vốn đã thanh toán năm 20...	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn huy bỏ	Lấy kế vốn đã thực hiện của DA hoàn thành đưa vào sử dụng			
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 200...	Thanh toán	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn huy bỏ	Thanh toán	Kế hoạch vốn chuyển năm sau	Kế hoạch vốn huy bỏ							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=10+11+15+16	20=12+17	21=13+18	22
	<b>Tổng số (I+II)</b>																				
<b>I</b>	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư</b>																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
<b>II</b>	<b>Vốn thực hiện dự án</b>																				
<b>1</b>	<b>Ngành giao thông</b>																				
	Nhóm ...																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				
<b>2</b>	<b>Ngành Thủy lợi</b>																				
	Nhóm ...																				
	Dự án...																				
	Dự án...																				

Người lập biểu  
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...  
Thủ trưởng cơ quan (ký và đóng dấu)







STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Luỹ kế vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết niên độ năm trước		Thanh toán của KLHT của phần vốn tạm ứng chưa thu hồi từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm trước		Thanh toán vốn thuộc kế hoạch năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Luỹ kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi (*)	Luỹ kế số vốn đã thực hiện của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng							
							Tr.đó: vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi chưa quyết toán (*)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Thanh toán		Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Thanh toán				Kế hoạch vốn huy bỏ (nếu có)	Tổng số vốn quyết toán năm 20... (*)					
										Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		Thanh toán KLHT	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	9a	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	
	Dự án...																						
3	Chương trình mục tiêu khác																						
III	Nguồn khác																						
I	Nguồn...																						
	Dự án...																						

**Ghi chú:**

- Đối với Dự án tổng mới 5 triệu ha rừng: số vốn thanh toán được quyết toán năm tính từ 1/1 năm kế hoạch đến hết 31/1 năm sau.
- Số vốn thanh toán từ 1/2 đến hết tháng 4 năm sau, quyết toán vào niên độ ngân sách năm sau.
- Dự án không có vốn ngoài nước chỉ ghi một dòng.
- Đối với một số dự án được giao kế hoạch vốn ngoài nước, nhưng thanh toán như nguồn vốn trong nước, thì số vốn đã thanh toán hạch toán vào nguồn ngoài nước.
- (\*) Cột số 9 - thể hiện luỹ kế số dư tạm ứng chưa quyết toán năm.
- (\*) Cột 20 - thể hiện số quyết toán năm, gồm: thanh toán KLHT bằng nguồn được giao trong năm kế hoạch; nguồn thuộc kế hoạch năm sau chi tiếp; thanh toán các khoản tạm ứng theo chế độ từ các năm trước chuyển sang. Cột 20= cột 11+cột 16+ cột 9a (phần số tiêu đã hạch toán từ tạm ứng theo chế độ sang thanh toán KLHT).
- (\*) Cột 21 - luỹ kế số vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi, chưa quyết toán tính đến hết niên độ năm 20... . Cột 21=cột 12+cột 17+ (cột 9-cột 9a)

**Người lập biểu**  
(Ký, họ, tên)

..., ngày tháng năm 20...  
Chủ đầu tư (Ký và đóng dấu)

**Báo cáo thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản - nguồn ứng trước dự toán ngân sách năm sau (nếu có)**

Niên độ ngân sách năm 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Kế hoạch vốn ứng trước năm 20...				Thanh toán vốn ứng trước								
						Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...			Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi
							Kế hoạch vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn ứng trước năm 20...	Kế hoạch vốn thu hồi năm 20...		Tổng số	Thanh toán cho kế hoạch vốn ứng trước chuyển sang	Thanh toán cho kế hoạch ứng trước năm 20...		Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi			
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16			
	<b>Tổng số:</b>																	
I	<b>Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung</b>																	
1	Vốn chuẩn bị đầu tư																	
	Dự án...																	
2	Vốn thực hiện dự án																	
	Ngành...																	
	Nhóm...																	
	Dự án...																	
II	<b>Nguồn vốn Dự án, Chương trình mục tiêu</b>																	
1	Dự án Trồng mới 5 tr:ha rừng																	
	Dự án...																	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia...																	
	Dự án...																	
3	Chương trình mục tiêu khác...																	
	Dự án...																	
III	<b>Nguồn khác</b>																	
1	Nguồn...																	
	Dự án...																	

Người lập biểu

(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...

Chủ đầu tư (Ký và đóng dấu)

**Báo cáo thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản nguồn vốn trái phiếu Chính phủ**  
Niên độ ngân sách năm 20...

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã dự ngành kinh tế	Tổng mức đầu tư	Lũy kế vốn đã hoàn thành từ khởi công đến hết KH năm trước	Thanh toán kế hoạch vốn giao năm 20...						Thanh toán vốn thuộc kế hoạch năm trước được tiếp tục thực hiện trong năm 20...				Tổng vốn đã thanh toán năm 2016	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn hủy bỏ (nếu có)	Lũy kế vốn đã thực hiện của dự án hoàn thành đưa vào sử dụng	
								Kế hoạch vốn đầu tư năm 20...	Thanh toán		Kế hoạch vốn được kéo dài (nếu có)	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn hủy bỏ (nếu có)	Kế hoạch vốn chuyển năm sau (nếu có)	Kế hoạch vốn hủy bỏ (nếu có)	Thanh toán	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi					
									10	11												12
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19-10+11+15+16	20-12+17	21-13+18	22	
	<b>Tổng số</b>																					
1	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư</b>																					
	Dự án...																					
	Dự án...																					
2	<b>Vốn thực hiện dự án</b>																					
2.1	Ngành...																					
	Nhóm A																					
	Dự án...																					
	Dự án...																					
	Dự án...																					
	Nhóm B																					
	Dự án...																					
	Dự án...																					
2.2	Ngành...																					

Người lập biểu  
(Ký, họ, tên)

..... ngày tháng năm 20...  
Chủ đầu tư (Ký và đóng dấu)

**Báo cáo thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản - nguồn ứng trước trái phiếu Chính phủ (mẫu số)  
Niên độ ngân sách năm 20...**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản	Mã dự án đầu tư	Mã ngành kinh tế	Kế hoạch vốn ứng trước năm 20...			Thanh toán vốn ứng trước							
						Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Số đã thanh toán từ năm trước chuyển sang	Thanh toán trong năm 20...			Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi	
							Kế hoạch vốn ứng trước từ năm trước chuyển sang	Kế hoạch vốn ứng trước năm 20...	Kế hoạch vốn thu hồi năm 20...			Tổng số	Thanh toán cho kế hoạch vốn ứng trước chuyển sang	Thanh toán cho kế hoạch ứng năm 20...		Số thanh toán tương ứng với kế hoạch thu hồi
1	2	3	4	5	6	7=8+9+10	8	9	10	11=12+13+16	12	13=14+15	14	15	16	
	<b>Tổng số</b>															
1	<b>Vốn chuẩn bị đầu tư</b>															
	Dự án...															
	Dự án...															
2	<b>Vốn thực hiện dự án</b>															
2.1	Ngành...															
	Nhóm A															
	Dự án...															
	Dự án...															
	Nhóm B															
	Dự án...															
	Dự án...															
	Nhóm C															
	Dự án...															
	Dự án...															
2.2	Ngành...															

Người lập biểu  
(Ký, họ, tên)

... ngày tháng năm 20...  
Chủ đầu tư (Ký và đóng dấu)

## BÁO CÁO NỢ XÂY DỰNG CƠ BẢN

(Tính đến thời điểm .....)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Đơn vị báo cáo	Tên địa phương	Mã địa phương	Mã ngành	Mã dự án	Tình trạng đầu tư được duyệt														Số người giao nhiệm vụ						Giá trị khối lượng đã thực hiện (tính theo đơn vị)						Giá trị gói thầu được duyệt						Giá trị dự kiến được duyệt						Số dự án	Số dự án đã hoàn thành							
						Tình trạng đầu tư được duyệt														Số người giao nhiệm vụ			Giá trị khối lượng đã thực hiện (tính theo đơn vị)			Giá trị dự kiến được duyệt			Giá trị dự kiến được duyệt																							
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38			39	40	41	42	43	44	45
1	ĐƠN VỊ BÁO CÁO	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	MÃ ĐỊA PHƯƠNG	MÃ NGÀNH	MÃ DỰ ÁN	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47
				Tình trạng đầu tư được duyệt														Số người giao nhiệm vụ			Giá trị khối lượng đã thực hiện (tính theo đơn vị)			Giá trị dự kiến được duyệt			Giá trị dự kiến được duyệt																									
				Tình trạng đầu tư được duyệt														Số người giao nhiệm vụ			Giá trị khối lượng đã thực hiện (tính theo đơn vị)			Giá trị dự kiến được duyệt			Giá trị dự kiến được duyệt																									
				Tình trạng đầu tư được duyệt														Số người giao nhiệm vụ			Giá trị khối lượng đã thực hiện (tính theo đơn vị)			Giá trị dự kiến được duyệt			Giá trị dự kiến được duyệt																									

Chức vụ: .....  
 Tên đơn vị báo cáo: .....  
 Đơn vị báo cáo: .....  
 Ngày báo cáo: .....  
 Người báo cáo: .....

Tên người báo cáo: .....  
 Chức vụ: .....  
 Ngày báo cáo: .....